

Số: 76/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2019

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và sổ kế toán dùng để hạch toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý, gồm: tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi khác (sau đây gọi chung là tài sản hạ tầng giao thông, thủy lợi; viết tắt là TSHTGT- TL).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan được thực hiện kế toán TSHTGT- TL theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi (các cơ quan được giao quản lý tài sản kế toán tổng hợp trên cơ sở kế toán chi tiết của các cơ quan, đơn vị được phân cấp thực hiện công tác kế toán).

2. Doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, không tính tài sản thuộc thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trừ doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi tính trong thành phần vốn nhà nước được thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Quy định về Tài khoản 216- Tài sản hạ tầng giao thông, thủy lợi.**

1. Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ TSHTGT- TL mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán theo nguyên giá.

2. Nguyên tắc hạch toán Tài khoản 216- Tài sản hạ tầng giao thông, thủy lợi:

a) Chỉ hạch toán vào tài khoản này những TSHTGT- TL thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của TSHTGT- TL, tùy thuộc vào thời gian hình thành, nguyên giá TSHTGT- TL được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Nguyên tắc xác định nguyên giá TSHTGT- TL thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

d) Nguyên giá TSHTGT- TL chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- Đánh giá lại giá trị tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Thực hiện nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tài sản theo dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của một tài sản hữu hình;

- Bị hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác phải hạch toán giảm nguyên giá theo quy định của pháp luật.

đ) TSHTGT- TL chỉ được ghi giảm theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Mọi trường hợp tăng, giảm TSHTGT- TL phải căn cứ vào báo cáo kê khai lần đầu hoặc báo cáo kê khai bổ sung để hoàn chỉnh hồ sơ kế toán TSHTGT- TL.

e) Mọi trường hợp phát hiện thừa, thiếu TSHTGT- TL so với sổ kế toán theo dõi đều phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 216- Tài sản hạ tầng giao thông, thủy lợi:

*Bên Nợ:*

- Nguyên giá của TSHTGT- TL tăng do được cơ quan, người có thẩm quyền giao quản lý (gồm tăng do giao quản lý mới, tăng do được đầu tư xây dựng, tăng do mua sắm hoàn thành, đưa vào sử dụng);

- Nguyên giá của TSHTGT- TL tăng do nhận điều chuyển;

- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSHTGT- TL do nâng cấp, mở rộng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các trường hợp khác làm tăng nguyên giá của TSHTGT- TL (như đánh giá lại TSHTGT- TL theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phát hiện thừa khi kiểm kê...).

*Bên Có:*

- Nguyên giá của TSHTGT- TL giảm do thu hồi, điều chuyển cho đơn vị khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, do bán, thanh lý tài sản, hoặc do hư hỏng, xuống cấp;

- Nguyên giá của TSHTGT- TL giảm do tháo dỡ bớt một số bộ phận, thu hẹp dự án;

- Các trường hợp khác làm giảm nguyên giá của TSHTGT- TL (Bị hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, địch họa, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác phải hạch toán giảm nguyên giá theo quy định của pháp luật; đánh giá lại TSHTGT- TL theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phát hiện thiếu khi kiểm kê...).

*Số dư bên Nợ:*

Phản ánh nguyên giá TSHTGT- TL hiện có mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

*Tài khoản 216- Tài sản hạ tầng giao thông, thủy lợi có 6 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 2161- Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Phản ánh giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

- Tài khoản 2162- Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải: Phản ánh giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

- Tài khoản 2163- Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không: Phản ánh giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

- Tài khoản 2164- Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: Phản ánh giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

- Tài khoản 2165- Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: Phản ánh giá trị của các loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

- Tài khoản 2166- Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Phản ánh giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

- Tài khoản 2168- Tài sản kết cấu hạ tầng khác: Phản ánh giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi khác mà cơ quan, đơn vị được giao quản lý và hạch toán.

4. Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu:

a) Kế toán tăng TSHTGT- TL

(1) TSHTGT- TL tăng do được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý:

- Trường hợp ghi chép lần đầu các tài sản hiện được giao quản lý hoặc các tài sản tăng do được giao quản lý mới, căn cứ Báo cáo kê khai lần đầu hoặc Biên bản bàn giao, tiếp nhận TSHTGT- TL, ghi:



Nợ TK 216- TSHTGT- TL

Có TK 467- Nguồn kinh phí đã hình thành TSHTGT- TL.

- Trường hợp tăng TSHTGT- TL do đơn vị thực hiện xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng dự án: Khi dự án hoàn thành, căn cứ vào Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành (đối với dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán); Biên bản nghiệm thu A-B (đối với dự án hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán), ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Có TK liên quan.

Đồng thời, ghi tăng nguyên giá TSHTGT- TL:

Nợ TK 216- TSHTGT- TL (Theo chi phí nâng cấp, mở rộng)

Có TK 241- XDCB dở dang.

Đồng thời, ghi tăng nguồn kinh phí đã hình thành TSHTGT- TL:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu (3664- Kinh phí đầu tư XDCB) (nếu TS được nâng cấp, mở rộng bằng tiền NSNN) (Đối với đơn vị HCSN), hoặc

Nợ TK 441- Nguồn vốn đầu tư XDCB (Đối với doanh nghiệp)

Có TK 467- Nguồn kinh phí đã hình thành TSHTGT- TL.

- Trường hợp tăng TSHTGT- TL nhận bàn giao từ chủ đầu tư là đơn vị thực hiện nâng cấp, cải tạo, mở rộng dự án, đơn vị nhận bàn giao TSHTGT- TL, căn cứ giá trị nâng cấp, mở rộng đã được bàn giao, ghi:

Nợ TK 216- TSHTGT- TL

Có TK 467- Nguồn kinh phí đã hình thành TSHTGT- TL.

(2) TSHTGT- TL tăng do nhận điều chuyển từ cơ quan, đơn vị khác, căn cứ báo cáo kê khai bổ sung TSHTGT- TL, ghi:

Nợ TK 216- TSHTGT- TL (Nguyên giá)

Có TK 218- Hao mòn TSHTGT- TL (Giá trị hao mòn lũy kế) (nếu có)

Có TK 467- Nguồn kinh phí đã hình thành TSHTGT- TL (Giá trị còn lại).

b) Kế toán giảm TSHTGT- TL

(1) Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền yêu cầu đơn vị điều chuyển TSHTGT- TL cho các đơn vị khác tiếp tục theo dõi quản lý và hạch toán, ghi:

Nợ TK 467- Nguồn kinh phí đã hình thành TSHTGT- TL (Giá trị còn lại)

Nợ TK 218- Hao mòn TSHTGT- TL (Giá trị hao mòn lũy kế)

Có TK 216- TSHTGT- TL (Nguyên giá).

(2) Trường hợp thu hồi tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền, ghi: